

Số: /BC-BNV
(DỰ THẢO)

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO
Đánh giá tác động của chính sách trong dự án
Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Nội vụ xin báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể như sau:

PHẦN I:
XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

I. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Trong những năm qua, dân chủ đã ngày càng trở thành động lực thúc đẩy đổi mới và phát triển của đất nước. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở nước ta đã đạt được những thành tựu tích cực, góp phần đáng kể vào việc hoàn thành các mục tiêu xây dựng xã hội XHCN như: quan điểm và định hướng dân chủ hóa ngày càng được hoàn thiện trên quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra với những bước đi thận trọng và vững chắc; nhận thức và năng lực thực hành dân chủ của nhân dân ngày càng được nâng cao tạo ra sự tích cực chính trị của nhân dân, không khí dân chủ ngày càng mở rộng; nội dung và hình thức dân chủ ngày càng được làm sâu sắc và đa dạng, được mở rộng và phát triển đến các lĩnh vực, các cấp, các ngành; quá trình thể chế hóa thành pháp luật được tăng cường, các thể chế, quy chế, quy định về dân chủ ngày càng được xây dựng và củng cố.

Kể từ khi Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh số 34) được ban hành đã thể hiện nhiều tính ưu việt, đáp ứng yêu cầu thực tế đang đặt ra đó là tạo dựng cơ sở pháp lý thực hiện dân

chủ ở cơ sở, quy định cho người dân những quyền dân chủ thực sự. Đến nay, phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*" đã thực sự đi vào cuộc sống và có tác động trực tiếp trong việc động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền ở cơ sở.

Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở đã tăng cường củng cố hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn; góp phần đổi mới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền ở cơ sở theo hướng gần dân, sát dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin, có trách nhiệm và tôn trọng nhân dân hơn, góp phần ngăn chặn, khắc phục những bất cập, hạn chế diễn ra ở cơ sở.

Một số phương thức dân chủ ở cơ sở như đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân; hay trách nhiệm giải trình của đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức,...ngày càng được chú trọng, tăng cường và đi vào nề nếp. Tuy nhiên, qua thực hiện các quy định của Pháp lệnh số 34 hơn 10 năm, bên cạnh những ưu điểm đã bộc lộ những hạn chế, vướng mắc nhất định.

Thứ nhất, một số quy định tại Pháp lệnh số 34 không còn phù hợp với thực tiễn, chưa đáp ứng yêu cầu về bảo đảm thực hiện các quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân và chưa đồng bộ, thống nhất với một số quy định trong hệ thống pháp luật, đó là các đạo luật được ban hành sau Pháp lệnh số 34, đặc biệt là sau khi Hiến pháp 2013 được ban hành một số đạo luật như: Luật phòng, chống tham nhũng, Luật trung cầu ý dân, Luật tiếp cận thông tin, Luật tổ chức chính quyền địa phương,...đã thể hiện tinh thần dân chủ hóa, công khai hóa hoạt động của chính quyền các cấp từ trung ương tới cơ sở mạnh mẽ hơn so với quy định của Pháp lệnh số 34.

Thứ hai, so với pháp luật hiện hành như: Điều 17 và Chương III Luật tiếp cận thông tin, còn nhiều nội dung thông tin mà Pháp lệnh chưa quy định chính quyền cấp xã phải công khai, cung cấp cho công dân, vì vậy thực hiện quy định về phạm vi thông tin phải công khai trong Pháp lệnh vô hình chung đã làm hạn chế quyền của nhân dân trong việc tiếp cận các thông tin liên quan đến quyền và lợi ích của mình.

Trong điều kiện bùng nổ về thông tin, nhu cầu thông tin của công dân đang ngày càng gia tăng, nhất là các thông tin liên quan trực tiếp đến việc thực hiện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tuy nhiên Pháp lệnh quy định chưa bao quát hết các lĩnh vực cần cung cấp thông tin trong đời sống kinh tế - xã hội mà chính quyền cấp xã cần phải công khai, tạo thuận lợi cho việc

cung cấp thông tin để nhân dân biết, bàn và kiểm tra. Do đó, việc công khai thông tin của chính quyền cơ sở mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu của người dân, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện các quyền dân chủ trực tiếp.

Thứ ba, hình thức công khai được quy định trong Pháp lệnh số 34 còn đơn giản, không còn phù hợp với điều kiện phát triển của khoa học, công nghệ hiện nay, nhất là trong điều kiện khoa học - kỹ thuật tiên bộ, cho phép đa dạng hóa hơn các hình thức công khai thông tin.

Thứ tư, nhiều quy định của Pháp lệnh số 34 còn chung chung, có tính nguyên tắc nên khó thực hiện; Pháp lệnh số 34 cũng còn thiếu các biện pháp bảo đảm thực thi dân chủ, nên chưa bảo đảm tính khả thi của Pháp lệnh. Việc thiếu các biện pháp bảo đảm là một phần nguyên nhân dẫn đến việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở còn lúng túng, hình thức.

Thứ năm, Pháp lệnh chưa phân định, quy định rành mạch trách nhiệm của các chủ thể, của tập thể, cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc thực thi các quy định về thực hiện dân chủ cơ sở dẫn đến việc xác định trách nhiệm chưa rõ ràng, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của thực thi pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Việc công khai thông tin cũng như bảo đảm sự tham gia của nhân dân vào hoạt động của chính quyền cơ sở còn phụ thuộc vào quyết định của từng cơ quan và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức. Việc đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin của công dân về hoạt động của chính quyền cấp xã, về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân chưa thường xuyên, còn bất cập hạn chế.

Thứ sáu, việc tham gia của nhân dân vào các hoạt động của chính quyền cơ sở và của các cấp chính quyền, đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng, ban hành các quyết định hành chính còn hạn chế, dẫn đến có nhiều vụ khiếu nại, khiếu kiện đối với các quyết định hành chính của chính quyền cấp xã (ví dụ: lĩnh vực đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng...) do quyết định hành chính chưa bảo đảm tính hợp pháp, hoặc không hợp lý, không khả thi. Còn thiếu minh bạch trong hoạt động của các cơ quan hành chính và trong cách thức lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của nhiều cơ quan nhà nước hiện nay; nhiều ý kiến đóng góp của nhân dân chưa được cơ quan lấy ý kiến phản hồi, giải trình.

II. CƠ SỞ VÀ MỤC TIÊU BAN HÀNH CHÍNH SÁCH

1. Cơ sở ban hành chính sách

a) Cơ sở chính trị:

- Đại hội VIII của Đảng (1996) lần đầu tiên đề ra cơ chế cụ thể thực hiện phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thực hiện quyền làm chủ của nhân dân thông qua các cơ quan dân cử, các tổ chức chính trị - xã hội và các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước ở cơ sở trong khuôn khổ pháp luật. Trên cơ sở đó, Hội nghị lần 3 khóa VIII năm 1997 ban hành Nghị quyết về phát huy quyền dân chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân thông qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

- Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 28/02/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã tạo ra bước ngoặt quan trọng cho quá trình nghiên cứu xây dựng và thể chế hóa bằng pháp luật trong việc xây dựng và thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Đại hội IX của Đảng (2001) xác định dân chủ là một trong những nội dung của công cuộc đổi mới trong mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Từ Đại hội IX, quá trình dân chủ hóa đã được đẩy mạnh cả về quy mô, mức độ, chiều rộng và chiều sâu. Tiếp theo, Đại hội X của Đảng (năm 2006) đã tiếp tục phát triển nhận thức về dân chủ hóa theo hướng ngày càng cụ thể, thiết thực và đầy đủ. Trong tám đặc trưng của xã hội XHCN, dân chủ tiếp tục được ghi nhận là nội dung có tầm quan trọng chiến lược trong mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.⁽¹⁾

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng ta khẳng định: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng và một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng

¹ PGS.TS.Lê Minh Quân: *Về quá trình dân chủ hóa XHCN ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, 2011.

Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới. Dân chủ XHCN là một hình thức thể hiện quyền tự do, bình đẳng của công dân, xác định nhân dân là chủ thể của quyền lực. Dân chủ XHCN được xác định là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

- Để tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, phát huy dân chủ XHCN, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng ta đã đặt ra một số yêu cầu, nhiệm vụ: Xây dựng và hoàn thiện dân chủ XHCN cần bảo đảm nguyên tắc *“Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân”*. Dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, quyền lực của nhân dân. Quyền lực được biểu hiện trong nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng trong thực tiễn, quyền lực nhà nước là phạm trù trung tâm. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

- Chủ trương, đường lối của Đảng có nhiều điểm đổi mới về dân chủ ở cơ sở đặt ra yêu cầu phải thể chế hóa bằng các quy định của pháp luật; đặc biệt, Kết luận số 120-KL/TW ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đã giao nhiệm vụ:

(1) *“Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo công tác thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dân chủ ở cơ sở; tổng kết việc thực hiện Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các văn bản luật có liên quan. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật liên quan đến quyền con người, quyền công dân, quyền dân chủ phù hợp với Hiệp pháp năm 2013”*.

(2) *“Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tinh giản biên chế”*.

Tiếp tục thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”*. Và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

b) Cơ sở pháp lý:

- Cụ thể hoá quy định của Hiến pháp năm 1992 về bảo đảm quyền được thông tin, nhằm phát huy dân chủ ở cơ sở, năm 1998, Chính phủ đã ban hành

Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, ban hành kèm theo Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998, được sửa đổi năm 2003 trong đó quy định những việc chính quyền địa phương phải có trách nhiệm thông tin và công khai để dân biết những công việc ở địa phương. Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 là văn bản có tính pháp lý cao nhất từ trước đến nay quy định về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, đánh dấu việc thể chế hóa quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện dân chủ.

- Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội khóa XIII thông qua đã có những bước phát triển mới về dân chủ. Nội dung Hiến pháp tiếp tục khẳng định thể chế của nước ta là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước dân chủ, độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Hiến pháp 2013 nhấn mạnh tư tưởng chủ quyền Nhân dân; bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, trong đó, đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực của phát triển xã hội.

Hiến pháp khẳng định giá trị, vai trò quan trọng của quyền con người, quyền công dân, quy định trách nhiệm của Nhà nước, xã hội trong việc tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân và có cơ chế đảm bảo thực hiện các quyền đó. Tinh thần Hiến pháp năm 2013 nhấn mạnh việc bảo đảm các quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân ⁽²⁾ trong khi những quy định hiện hành của Pháp lệnh số 34 chưa thể hiện được rõ tinh thần này của Hiến pháp năm 2013.

- Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng". Do đó, việc quy định các quyền dân chủ của nhân dân dưới hình thức Pháp lệnh đã trở nên không còn phù hợp với tinh thần của Hiến pháp 2013 và chưa bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

² Điều 6 Hiến pháp năm 2013 “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước.”

- Để thực hiện Hiến pháp năm 2013, nhiều luật mới được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới như Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Trưng cầu ý dân,... đã góp phần thể chế hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong bối cảnh tình hình mới. Do đó, cần phải bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của các quy định pháp luật về dân chủ với hệ thống pháp luật nói chung.

c) Cơ sở thực tiễn:

Một số nội dung quy định tại Pháp lệnh số 34 hiện nay không còn phù hợp với hệ thống pháp luật mới được ban hành hoặc đã trở nên lạc hậu so với thực tiễn, như đã phân tích ở trên.

2. Mục tiêu ban hành chính sách

a) Dự án Luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở được xây dựng xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tình hình mới với mục tiêu là:

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về dân chủ ở cơ sở; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở; bảo đảm thi hành quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân trong tình hình mới, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Luật trong hệ thống pháp luật;

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tương xứng hơn trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.

b) Việc ban hành Luật nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

- Tạo thuận lợi cho nhân dân thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của mình, nhất là dân chủ trực tiếp; bảo vệ tốt hơn các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người dân.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền cấp xã; tăng trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước và chính quyền cấp xã.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội; bảo đảm đồng thuận cao trong xã hội và phát huy mạnh mẽ khả năng sáng tạo của nhân dân.

- Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa người dân và Nhà nước, đồng thời đổi mới, cải thiện mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân; tạo niềm tin của công chúng vào chính quyền cơ sở.

- Phân cấp, phân quyền hợp lý, phân công cụ thể trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước; trách nhiệm của tập thể và cá nhân, trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền cơ sở trong việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở và khắc phục dân chủ hình thức ở cấp cơ sở.

PHẦN II:

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG DỰ ÁN LUẬT

I. CÁC CHÍNH SÁCH ĐƯỢC XÁC ĐỊNH ĐỂ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Chính sách 1: Mở rộng phạm vi các thông tin chính quyền cấp xã phải công khai rộng rãi.

2. Chính sách 2: Đa dạng hóa các hình thức công khai thông tin của chính quyền cấp xã.

3. Chính sách 3: Trách nhiệm giải trình của chính quyền cấp xã trong quá trình ban hành các quyết định hành chính bất lợi cho công dân hoặc liên quan đến lợi ích của cộng đồng.

4. Chính sách 4: Tăng cường các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Chính sách 5: Phân định rành mạch trách nhiệm của các chủ thể trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Mở rộng phạm vi các thông tin chính quyền cấp xã phải công khai rộng rãi

a) Xác định vấn đề bất cập:

Bảo đảm thực hiện quyền thông tin của công dân là điều kiện cần thiết cho hoạt động quản lý dân chủ, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của một quốc gia. Việc không công khai thông tin đồng nghĩa với thiếu trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền trong quá trình thực thi quyền lực công và có thể quyền lực đó sẽ mâu thuẫn hoặc đi ngược lại lợi ích của công chúng, của cộng đồng xã hội. Trong đời sống hiện đại, nhu cầu thông tin của công dân

đang ngày càng gia tăng, để bảo đảm thực hiện đầy đủ, toàn diện các quyền của mình, người dân cần được cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, nhất là các thông tin liên quan trực tiếp đến việc thực hiện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, mà chính quyền cấp xã cần phải công khai, tạo thuận lợi cho việc cung cấp thông tin để nhân dân biết, bàn, kiểm tra. Tuy nhiên, trên thực tế, việc công khai và cung cấp thông tin của chính quyền cơ sở mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu của người dân, chưa tạo điều kiện cho người dân thực hiện các quyền dân chủ trực tiếp.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Công khai rộng rãi một số thông tin của chính quyền cấp xã để nhân dân thực hiện tốt hơn quyền làm chủ của mình; tăng trách nhiệm giải trình và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền cấp xã.

- Tạo thuận lợi cho nhân dân tiếp cận thông tin của chính quyền cấp xã để bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Tạo cơ hội cho người dân được tham gia giám sát hoạt động quản lý nhà nước, đóng góp ý kiến vào công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước và thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra”.

c) Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành về phạm vi các thông tin chính quyền cấp xã phải công khai rộng rãi. Nếu thực hiện theo giải pháp này thì vẫn còn tồn tại các vấn đề bất cập nêu trên. Người dân cũng như Nhà nước không được hưởng lợi từ giải pháp này.

Giải pháp 2: Quy định công khai thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sơ đồ tổ chức của các cơ quan, đơn vị, bộ phận của chính quyền cấp xã; thủ tục, quy trình giải quyết công việc của cán bộ, công chức cấp xã; phân công công việc; lịch làm việc; lịch hẹn; số điện thoại; số fax; địa chỉ email của cán bộ, công chức giải quyết công việc được phân công liên quan đến nhân dân; địa chỉ, trụ sở của cơ quan; địa điểm và người có thẩm quyền giải quyết công việc của công dân.

Giải pháp 3: Quy định công khai thông tin mà chính quyền cấp xã nhận được từ các cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình và thông tin có liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân

Giải pháp 4: Kết hợp cả giải pháp 2 và 3.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp:

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định của Pháp lệnh số 34 về các thông tin chính quyền cấp xã phải công khai.

Giải pháp 2: Quy định công khai thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sơ đồ tổ chức của các cơ quan, đơn vị, bộ phận của chính quyền cấp xã; thủ tục, quy trình giải quyết công việc của cán bộ, công chức cấp xã; phân công công việc; lịch làm việc; lịch hẹn; số điện thoại; số fax; địa chỉ email của cán bộ, công chức giải quyết công việc được phân công liên quan đến nhân dân; địa chỉ, trụ sở của cơ quan; địa điểm và người có thẩm quyền giải quyết công việc của công dân.

**** Tác động tích cực:***

a) Đối với khu vực nhà nước:

- Làm giảm gánh nặng hành chính khi phải trả lời trực tiếp những câu hỏi và yêu cầu cung cấp thông tin thông dụng.

- Hoạt động của cơ quan nhà nước sẽ minh bạch hơn, tăng lòng tin của người dân đối với cấp chính quyền; góp phần làm giảm tham nhũng.

- Các thông tin, chính sách được công khai kịp thời cũng tạo điều kiện cho việc áp dụng các văn bản được đúng đắn, mức độ tuân thủ pháp luật và chính sách tăng lên.

- Việc người dân có đầy đủ các nguồn thông tin giúp họ đóng vai trò chủ động hơn trong xã hội và đóng góp cho Nhà nước và phát triển. Người dân cũng tin tưởng hơn vào Nhà nước và sẵn sàng, chủ động đóng góp xây dựng, hoàn thiện chính sách, quy định pháp luật. Thông qua việc lắng nghe ý kiến phản hồi từ công chúng, mối quan hệ giữa Nhà nước với nhân dân được củng cố và tăng cường.

b) Đối với người dân, doanh nghiệp:

- Người dân không cần phải bỏ ra những chi phí không chính thức hoặc không còn gặp khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin, tìm kiếm thông tin.

- Tạo thuận lợi cho người dân chủ động tiếp cận với các thông tin cần thiết.

**** Tác động tiêu cực:***

- Chi phí thực hiện giải pháp này chủ yếu là chi phí để cập nhật thông tin.

- Các chi phí gián tiếp cũng cần tính đến là số vụ việc, các thủ tục hành chính mà chính quyền phải giải quyết sẽ nhiều hơn, có thể tăng các khiếu nại trong quá trình yêu cầu giải quyết các quyền và lợi ích của người dân.

- Các tác động gián tiếp có thể là khi công khai các thông tin như dự kiến tại giải pháp này, người dân sẽ trực tiếp yêu cầu giải đáp thắc mắc nhiều hơn đối với cán bộ, công chức đã được cung cấp số điện thoại và địa chỉ email.

Giải pháp 3: Quy định công khai thông tin mà chính quyền cấp xã nhận được từ các cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình và thông tin có liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân.

*** Tác động tích cực:**

Về tăng hiệu quả quản lý nhà nước:

- Công khai nhiều thông tin hơn sẽ giúp công chúng giám sát tốt hơn các hoạt động của chính quyền cấp xã, qua đó, các cơ quan này cũng sẽ hoạt động có hiệu quả và trách nhiệm hơn. Việc mở rộng phạm vi thông tin được công bố công khai có thể trực tiếp cải thiện tính hiệu quả trong hoạt động của chính quyền cấp xã.

- Việc minh bạch hoạt động của các cơ quan công quyền giúp cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hiệu quả hơn.

- *Tác động về kinh tế:* Việc tăng cường và mở rộng thông tin cũng có nghĩa và tăng cường và nâng cao tri thức, có thể đem đến những chuyển biến cơ bản trong việc sản xuất sản phẩm và dịch vụ. Tăng tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước sẽ làm giảm tham nhũng và sẽ có ảnh hưởng tích cực tới nền kinh tế.

*** Tác động tiêu cực:**

- Tăng gánh nặng hành chính cho cơ quan nhà nước, phải tăng cường nhân lực cho việc cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục.

- Tăng chi phí nâng cấp và duy trì website của các cơ quan nhà nước vì có một khối lượng lớn các thông tin được cập nhật trên website hàng ngày hàng giờ. Tuy nhiên, nhiều khoản chi phí chỉ phát sinh trong những năm đầu khi bắt đầu thực hiện Luật và sẽ giảm trong các năm tiếp theo.

- Người dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin quá nhiều gây nên sự quá tải trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức do phải cung cấp thông tin.

- Yêu cầu nhiều thông tin, đồng nghĩa với gây tò mò nhiều, ảnh hưởng đến môi trường (tuy nhiên, bất lợi này có thể khắc phục nếu như tăng cường công khai thông tin trên trang thông tin điện tử).

- Có thể tăng thêm khiếu nại, khiếu kiện do công dân có nhiều thông tin hơn và yêu cầu bảo đảm quyền của mình nhiều hơn.

Giải pháp 4: Kết hợp cả giải pháp 2 và 3.

Giải pháp này sẽ đem lại những tác động tích cực và tiêu cực của cả hai giải pháp 2 và 3. So sánh giữa tác động tích cực và tiêu cực thì các tác động tích cực là đáng kể đối với Nhà nước, nhân dân, tác động tích cực rõ rệt về các phương diện kinh tế, xã hội, dân chủ. Bảo đảm quyền thông tin sẽ góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, làm tăng tính hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước. Bảo đảm quyền thông tin cũng đồng thời bảo đảm sự công bằng, dân chủ và tăng lòng tin của người dân đối với Nhà nước. Việc phản hồi từ phía người dân sẽ giúp các cơ quan nhà nước cân nhắc, lựa chọn và đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp với lòng dân, tăng hiệu quả của chính sách.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Sau khi đánh giá tác động, cân bằng giữa lợi ích và chi phí, Nhóm nghiên cứu thấy rằng nếu lựa chọn giải pháp có lợi thì Dự thảo Luật cần lựa chọn Giải pháp 4.

Ngoài ra, Luật cũng cần phải quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm các thông tin công bố công khai không được lạc hậu, thiếu chính xác hoặc gây nhầm lẫn. Các thông tin phải đăng tải đầy đủ, cập nhật kịp thời và thuận lợi cho việc truy cập trên trang thông tin điện tử.

2. Chính sách 2: Đa dạng hóa các hình thức công khai thông tin của chính quyền cấp xã

a) Xác định vấn đề:

Trong một số văn bản pháp luật hiện hành⁽³⁾ đã quy định thông tin cần phải công khai. Để công khai rộng rãi thông tin, có nhiều hình thức khác nhau như đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, in trên Công báo hay các ấn phẩm, đăng tải trên Internet. Tuy nhiên, nhiều thông tin cần phải công khai rộng rãi nhưng lại chưa có các hình thức công khai bảo đảm cho người dân có thể dễ dàng tiếp cận.

³ Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Luật phòng, chống tham nhũng, Luật đất đai, Luật Xây dựng, Luật báo chí, Luật Xuất bản, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật,...

Việc tiếp cận thông tin của người dân còn gặp nhiều khó khăn, nhất là các đối tượng gặp khó khăn trong việc tiếp cận (người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Đa dạng hóa các cách thức để nhân dân tiếp cận được các thông tin mà chính quyền cấp xã công khai.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin của các đối tượng gặp khó khăn trong việc tiếp cận (người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

- Bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trong việc tiếp cận thông tin là cơ sở để bảo đảm bình đẳng trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân.

- Bảo đảm quyền chủ động, sáng tạo của chính quyền địa phương cấp xã trong việc công khai thông tin, bảo đảm tính khả thi của việc công khai thông tin ở các địa bàn khác nhau.

c) Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

Giải pháp 2: Bổ sung hình thức công khai thông tin so với hiện nay là hình thức đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Giải pháp 3: Công khai thông tin thông qua việc lấy ý kiến nhân dân, cơ chế đối thoại, tiếp công dân của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Giải pháp 4: Kết hợp giải pháp 2 và giải pháp 3, đồng thời công khai thông tin bằng các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

Giải pháp 5: Như giải pháp 4 nhưng bổ sung các hình thức công khai thông tin tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin của đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp:

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành, theo đó, các văn bản quy phạm pháp luật được giữ nguyên để áp dụng, không bổ sung thêm hình thức công khai thông tin, không quy định chính quyền cấp xã phải nhanh chóng

thiết lập trang thông tin điện tử riêng để đăng tải các thông tin phải công khai rộng rãi mà việc công khai các thông tin này là do các cơ quan, tổ chức tự lựa chọn. Việc thực hiện giải pháp này không đem lại các tác động tích cực cho xã hội, nhân dân và Nhà nước, vẫn tiếp tục tồn tại các vấn đề bất cập như đã phân tích ở trên.

Giải pháp 2: Bổ sung hình thức công khai thông tin so với hiện nay là hình thức đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

*** Tác động tích cực:**

a) Tác động lên các cơ quan, tổ chức:

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động của mình, góp phần phòng, chống tham nhũng, hạn chế tình trạng quan liêu, cửa quyền khi các cán bộ cung cấp thông tin, thay đổi tư duy về "xin - cho" của cán bộ đối với người dân.

- Tăng hiệu quả và tính chủ động của các cơ quan trong việc cung cấp thông tin cho công chúng.

- Giảm chi phí tuyên truyền pháp luật và tăng cường nhận thức cho cán bộ nhà nước và công chúng.

- Các cơ quan nhà nước phổ biến kịp thời chính sách đến các tổ chức, cá nhân, từ đó tạo điều kiện cho họ được đóng góp ý kiến, phản biện vào việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các chính sách, văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước.

b) Tác động lên người dân:

- Việc yêu cầu trách nhiệm phải thành lập trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ bảo đảm thông tin được công khai rộng rãi gồm cả thông tin của các cơ quan trung ương và chính quyền các cấp, trong đó với cấp xã là cấp gần dân nhất thì những thông tin do cấp xã nắm giữ hay nhận được đều đến được với người dân.

- Người dân có được địa chỉ chính thống, tin cậy để tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời, hiệu quả và tiết kiệm thời gian, chi phí.

- Tạo thế chủ động cho người dân trong việc tìm kiếm thông tin để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Tiết kiệm thời gian, chi phí cho việc yêu cầu cung cấp thông tin vì chỉ cần truy cập vào các trang thông tin là có được thông tin cần thiết.

*** Tác động tiêu cực:**

a) Tác động đối với khu vực nhà nước:

- Tăng thêm nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức trong việc công khai thông tin trên trang thông tin điện tử, thêm nhiệm vụ phải thiết lập, duy trì, nâng cấp hệ thống tin học và mạng Internet.

- Do phải bố trí thêm tổ chức, biên chế để thực hiện nhiệm vụ quản trị mạng và cập nhật thông tin thường xuyên lên trang thông tin điện tử, phương án này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến yêu cầu của quá trình cải cách hành chính là phải giảm biên chế, giảm tổ chức.

- Ngân sách cho việc thiết lập, duy trì và nâng cấp các trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức tăng lên. Cụ thể là phát sinh các chi phí từ ngân sách cho việc thiết lập mới trang thông tin điện tử, có thể bao gồm: Chi phí cho việc thiết lập mới trang thông tin điện tử; chi phí cho việc đầu tư hệ thống máy tính và mạng Internet duy trì, nâng cấp và quản trị mạng, kết nối mạng Internet, cước phí hàng tháng cho việc sử dụng mạng Internet, chi phí nâng cấp trang thông tin điện tử; chi phí cho tổ chức, nhân lực để vận hành và cập nhật thông tin lên trang thông tin điện tử.

Tuy nhiên, chi phí thực hiện giải pháp này là không đáng kể vì trên thực tế hiện nay hầu hết các xã đã có trang thông tin điện tử (thực hiện theo quy định của Luật tiếp cận thông tin nhưng theo lộ trình do Luật định)⁽⁴⁾ và đã có sẵn bộ phận chuyên trách về tin học và quản trị mạng, do đó, có thể tận dụng ngay cơ sở vật chất sẵn có này để đăng tải các thông tin cần phải công khai rộng rãi mà không làm phát sinh thêm các chi phí về ngân sách cho việc thiết lập và duy trì trang thông tin điện tử mới.

b) Tác động đối với cá nhân:

Phương án này còn bất cập đối với một số đối tượng có nhu cầu cung cấp thông tin vì hiện nay, trình độ tin học của người dân còn hạn chế, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo và nông thôn.

Giải pháp 3: Công khai thông tin thông qua việc lấy ý kiến nhân dân, cơ chế đối thoại, tiếp công dân của Ủy ban nhân dân cấp xã

**** Tác động tích cực:***

⁴ theo đó khoản 2 Điều 19 quy định: Việc công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Giải pháp này giúp cho việc công khai thông tin trong quá trình ban hành QĐHC cũng như các hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã được minh bạch.

- Việc công khai thông tin trong quy trình lấy ý kiến nhân dân, cơ chế đối thoại, tiếp công dân giúp cho các đối tượng có quyền và lợi ích liên quan, người được tham vấn hiểu đầy đủ các thông tin quan trọng trong quá trình đối thoại với cơ quan có thẩm quyền; đem lại sự hài lòng cho người dân và nâng cao tính trách nhiệm trong quá trình ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

*** Tác động tiêu cực:**

- Tăng thêm khối lượng công việc và chi phí tuân thủ cho cơ quan nhà nước khi phải thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin. Đồng thời cũng sẽ làm gia tăng chi phí thực thi quy định pháp luật của cơ quan nhà nước.

- Nếu quá trình thực hiện, việc sử dụng các phương thức cung cấp thông tin không phù hợp với các đối tượng thì sẽ dẫn đến kết quả không đạt được mục tiêu nhưng lại gây lãng phí ngân sách. Trong một số trường hợp khác, phương thức cung cấp thông tin không phù hợp làm cho người dân không tiếp cận, không nắm bắt được thông tin.

Giải pháp 4: Kết hợp Giải pháp 2 và Giải pháp 3, đồng thời công khai thông tin bằng các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

Tác động tích cực, tiêu cực của giải pháp này tương tự giải pháp 2 và 3 nhưng có nhiều tác động tích cực hơn, người dân được lợi hơn, tiết kiệm được ngân sách và chi phí cho việc công khai thông tin; bảo đảm tính chủ động và linh hoạt của chính quyền cấp xã.

Giải pháp 5: Như giải pháp 4 nhưng bổ sung các hình thức công khai thông tin tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin của đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ngoài những tác động tích cực, tiêu cực như của các giải pháp 2, 3, 4, thực hiện giải pháp này còn có những tác động tích cực sau:

- Nhân dân tiếp cận dễ dàng các thông tin mà chính quyền cấp xã công khai, từ đó bảo đảm quyền bình đẳng của họ trong việc tiếp cận thông tin cũng như các quyền khác, bảo đảm bình đẳng trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân.

- Bảo đảm quyền chủ động, sáng tạo của chính quyền địa phương cấp xã trong việc công khai thông tin, bảo đảm tính khả thi của việc công khai thông tin ở các địa bàn khác nhau.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở phân tích, so sánh các giải pháp cho thấy việc điều chỉnh quy định theo giải pháp 5 sẽ đem lại lợi ích lớn nhất. Kinh nghiệm của các nước chỉ ra rằng trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay thì một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để đăng tải, công khai rộng rãi thông tin là sử dụng Internet. Các trang thông tin điện tử là một kênh quan trọng trong việc đăng tải thông tin liên quan đến hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Việc đăng tải trên các trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức sẽ tạo cho việc tiếp cận thông tin nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm được nhiều chi phí cho cả phía các cơ quan và người dân. Yêu cầu thiết lập trang thông tin điện tử để công khai một số thông tin nhất định như chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của cơ quan, cơ cấu tổ chức, quy trình xử lý công việc, thủ tục hành chính,... cũng là xu hướng chung của các nước trên thế giới.

3. Chính sách 3: Trách nhiệm giải trình của chính quyền cấp xã trong quá trình ban hành các quyết định hành chính bất lợi cho công dân hoặc liên quan đến lợi ích của cộng đồng

a) Xác định vấn đề bất cập:

Trách nhiệm giải trình là một yêu cầu quan trọng đối với việc thực hiện minh bạch. Yêu cầu về giải trình của chính quyền là “nhằm bảo đảm việc cung cấp đủ bằng chứng, căn cứ mang tính khách quan để giải thích hay làm rõ về các nội dung hoặc vấn đề cần minh bạch”⁽⁵⁾.

Pháp luật hiện hành liên quan đến các hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước chưa đủ cơ sở pháp lý chặt chẽ để bảo vệ lợi ích hợp pháp của công dân; bảo đảm sự công bằng trong mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân. Pháp luật hiện hành còn thiếu cơ chế để kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý, khả thi của QĐHC của chính quyền cấp xã; bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong quá trình ban hành QĐHC của chính quyền cấp xã. Nhiều quyết định hành chính chưa hợp lý, không khả thi, chưa thật sự bảo đảm tính công bằng dẫn

⁵ TS. Nguyễn Tuấn Khanh (Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thanh tra), <http://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/201309/hoan-thien-co-so-phap-ly-ve-trach-nhiem-giai-trinh-292197/>

đến bị khiếu nại, khởi kiện. Việc nhân dân địa phương tham gia vào các hoạt động của chính quyền cơ sở và của các cấp chính quyền, đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng, ban hành các quyết định hành chính còn hạn chế. Ý kiến đóng góp của nhân dân đối với cơ quan nhà nước còn chưa được phản hồi, giải trình.

Nhiều ví dụ thực tế về giải phóng mặt bằng, cắt bỏ cây xanh công cộng, thay đổi công năng công trình công cộng, thay đổi quy hoạch đã dẫn đến những phản ứng tiêu cực từ số đông người dân và doanh nghiệp. Đối tượng chịu tác động không được tham gia chủ động trong quá trình ban hành QĐHC, như trình bày về vấn đề vướng mắc của mình, tiếp xúc hồ sơ trong thực tiễn hiện nay cũng gây nên những mâu thuẫn, căng thẳng cho người dân, đối tượng chịu sự tác động của văn bản.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Có cơ chế để cơ quan, tổ chức, cá nhân kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý, khả thi của QĐHC của chính quyền cấp xã; bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong quá trình ban hành QĐHC của chính quyền cấp xã.

- Tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc ban hành QĐHC có liên quan đến lợi ích cộng đồng; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tính công bằng trong ban hành quyết định hành chính bất lợi;

- Nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động chính quyền cấp xã.

c) Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

Giải pháp 2: Quy định trách nhiệm của chính quyền cấp xã, trong việc giải trình, tổ chức đối thoại trong trường hợp ban hành quyết định hành chính bất lợi cho đối tượng thi hành.

Giải pháp 3: Quy định như Giải pháp 2 nhưng bổ sung thêm trách nhiệm cơ quan nhà nước cấp trên ban hành quyết định hành chính có liên quan đến lợi ích cộng đồng phải tổ chức lấy ý kiến nhân dân tại địa bàn xã.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp:

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành. Việc thực hiện giải pháp này không đem lại các tác động tích cực cho xã hội, nhân dân và Nhà nước, vẫn tiếp tục tồn tại các vấn đề bất cập như đã phân tích ở trên.

Giải pháp 2: Quy định trách nhiệm của chính quyền cấp xã, trong việc giải trình, tổ chức đối thoại trong trường hợp ban hành quyết định hành chính bất lợi cho đối tượng thi hành.

- **Tác động tích cực:** Việc cho phép đối tượng chịu sự tác động của QĐHC được có quyền trình bày trong quy trình ban hành QĐHC sẽ giúp cho các QĐHC thấu đáo với đời sống nhân dân và bảo đảm tính thực tiễn hơn. Người dân, doanh nghiệp đồng thuận với các QĐHC được ban hành và áp dụng đối họ.

Quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc ban hành một số các loại QĐHC sẽ tạo tính chủ động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành QĐHC đối với đối tượng chịu tác động và giảm thiểu được các tiêu cực, tham nhũng trong ban hành QĐHC. Đồng thời, cơ quan ban hành sẽ hiểu rõ ý kiến, quan điểm của đối tượng chịu tác động của QĐHC để qua đó giảm thiểu rủi ro về các QĐHC không phù hợp thực tế và quy định pháp luật, đồng thời nâng cao tính minh bạch, công bằng trong quá trình ban hành QĐHC.

- **Tác động tiêu cực:** Việc tạo cơ chế cho người dân tham gia vào quá trình ban hành QĐHC sẽ gây mất thời gian và chi phí cho người dân và cả nhà nước trong việc tham gia và phản hồi ý kiến đối với các QĐHC.

Giải pháp 3: Quy định như Giải pháp 2 nhưng bổ sung thêm trách nhiệm cơ quan nhà nước cấp trên ban hành quyết định hành chính (QĐHC) có liên quan đến lợi ích cộng đồng phải tổ chức lấy ý kiến nhân dân tại địa bàn xã

*** Tác động tích cực:**

- Nâng cao khả năng đối thoại giữa người dân, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của QĐHC và cơ quan ban hành QĐHC về các nội dung của QĐHC.

- Bảo đảm quyền và lợi ích của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của QĐHC.

*** Tác động tiêu cực:**

- Thêm khối lượng công việc và chi phí tuân thủ cho cơ quan nhà nước khi phải thực hiện trách nhiệm giải trình.

- Tăng chi phí hành chính đối với việc tổ chức lấy ý kiến các QĐHC có nội dung phức tạp, tác động tới quyền và lợi ích của nhiều đối tượng.

- Trong một số trường hợp, nếu người dân không hiểu biết đầy đủ về các vấn đề cần lấy ý kiến (bao gồm về thông tin, kiến thức liên quan đến vấn đề cần cho ý kiến) sẽ dẫn đến tốn kém chi phí cho ngân sách nhà nước. Do đó, khắc phục tình trạng này thì cần phải cung cấp đầy đủ thông tin cho người dân trong quá trình lấy ý kiến (kết hợp thực hiện với giải pháp 3 của Chính sách 2).

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở phân tích, so sánh các giải pháp cho thấy việc điều chỉnh quy định theo giải pháp 3 sẽ đem lại nhiều lợi ích cho Nhà nước, nhân dân hơn so với các giải pháp khác.

4. Chính sách 4: Tăng cường các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

a) Xác định vấn đề bất cập:

Việc ban hành Luật sẽ không hiệu quả nếu thiếu các biện pháp bảo đảm thi hành Luật. Trình độ phát triển của dân chủ không chỉ phụ thuộc vào việc trao quyền cho nhân dân mà còn phụ thuộc chặt chẽ vào năng lực dân chủ của nhân dân. Do đó, cần tiếp tục nâng cao năng lực thực hành dân chủ thông qua hoạt động giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao văn hóa pháp lý và trình độ dân trí để đảm bảo cho người dân có đủ điều kiện, năng lực, trình độ để sử dụng các quyền một cách thực chất, có hiệu quả các quyền tự do dân chủ. Việc thúc đẩy đăng tải thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật cho việc công khai thông tin là xu hướng chung của các nền dân chủ trên thế giới.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Bảo đảm các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở được thi hành trên thực tiễn; bảo đảm tính khả thi của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, khắc phục dân chủ hình thức.

- Nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ của công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân; nâng cao năng lực để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp để phát huy mạnh mẽ mọi khả năng sáng tạo và bảo đảm đồng thuận cao trong xã hội.

c) Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

Giải pháp 2: Tăng cường truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về thực hiện dân chủ.

Giải pháp 3: Bồi dưỡng nâng cao năng lực của cán bộ cấp xã làm đầu mối cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo quy định của Luật tiếp cận thông tin) cũng đồng thời là người trực tiếp tổ chức thực thi pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

Giải pháp 4: Kết hợp giải pháp 2, 3 và tăng cường việc đăng tải các thông tin của chính quyền cấp xã và các thông tin do chính quyền cấp xã nhận được trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; tăng cường cung cấp thông tin của chính quyền cấp xã và các thông tin do chính quyền cấp xã nhận được trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Giải pháp 5: Như giải pháp 4 và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc công khai thông tin.

Giải pháp 6 : Kết hợp giải pháp 5 với việc phân định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy thi hành Luật.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp:

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành. Việc thực hiện giải pháp này không đem lại các tác động tích cực cho xã hội, nhân dân và Nhà nước, vẫn tiếp tục tồn tại các vấn đề bất cập như đã phân tích ở trên.

Giải pháp 2: Tăng cường truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về thực hiện dân chủ.

*** Tác động tích cực:**

- Nâng cao năng lực thực hành dân chủ của nhân dân; nâng cao trình độ dân trí và khả năng của mỗi người dân trong việc tự bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Nâng cao trách nhiệm của cộng đồng, cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức trong việc bảo đảm các quyền dân chủ.

- Thúc đẩy nhanh quá trình dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội theo tinh thần nghị quyết của Đảng; thực thi có hiệu quả hơn các quy định của Hiến pháp, pháp luật về dân chủ.

*** Tác động tiêu cực:**

Nhà nước sẽ mất các chi phí tuyên truyền nâng cao nhận thức của công chúng về việc thực hiện dân chủ ở cơ sở; chi phí về các trang thiết bị, các điều kiện vật chất khác cho việc truyền thông, in ấn tài liệu; chi phí có thể phát sinh đối cả khu vực nhà nước và khu vực tư nhân do có thể tăng thêm các vụ khiếu nại, khiếu kiện trong trường hợp người dân nâng cao nhận thức của mình về bảo vệ các quyền của mình.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không có tác động về thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới:* Giải pháp này không có tác động về giới.

Giải pháp 3: Bồi dưỡng nâng cao năng lực của cán bộ cấp xã làm đầu mối cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo quy định của Luật tiếp cận thông tin) cũng đồng thời là người trực tiếp tổ chức thực thi pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

- *Tác động tích cực:* Giải pháp này tiết kiệm chi phí vì chi phí cho lương của cán bộ đầu mối cung cấp thông tin kiêm nhiệm tại các cơ quan và chi phí hành chính phát sinh không đáng kể mà vẫn đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cũng như thực hiện dân chủ ở cơ sở. Trong những năm đầu, đây sẽ là giải pháp an toàn về mặt không làm phát sinh quá nhiều chi phí.

- *Tác động tiêu cực:*

Hạn chế của phương án này là sẽ quá tải đối với cán bộ kiêm nhiệm do không làm hết việc dẫn đến không đảm bảo được quyền của người dân khi người dân yêu cầu chính quyền cung cấp thông tin. Cán bộ có thể không chuyên tâm vào công việc vì phải đảm đương nhiệm vụ khác và chất lượng các công việc khác do họ đảm nhiệm cũng có thể bị ảnh hưởng. Thông tin hoặc các hướng dẫn, giải thích cho người dân thực hiện quyền dân chủ có thể sẽ không được cung cấp kịp thời, chính xác và có thể gây ra những khiếu nại, khiếu kiện.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không có tác động về thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới:* Giải pháp này không có tác động về giới.

Giải pháp 4: Kết hợp giải pháp 2, 3 và tăng cường việc đăng tải các thông tin của chính quyền cấp xã và các thông tin do chính quyền cấp xã nhận được trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; tăng cường cung cấp thông tin của chính quyền cấp xã và các thông tin do chính quyền cấp xã nhận được trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- *Tác động tích cực*

Tác động đối với Nhà nước:

- Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của các công dân, tổ chức để bảo vệ quyền, lợi ích của họ; tạo cơ hội cho mọi người dân được tham gia giám sát hoạt động quản lý nhà nước, đóng góp ý kiến vào việc hoạch định chính sách cũng như công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước; góp phần giảm tham nhũng; đồng thời giảm các yêu cầu về cung cấp thông tin theo yêu cầu (theo quy định của Luật tiếp cận thông tin).

- Tăng chất lượng và tính hiệu quả của hoạt động của các cơ quan nhà nước; giúp các cơ quan nhà nước cân nhắc, lựa chọn và đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp với lòng dân, tăng hiệu quả của chính sách; tạo niềm tin của công chúng vào cơ quan công quyền.

Tác động về xã hội: Tăng cường dân chủ, công bằng và sự hợp tác giữa người dân và Nhà nước, cải thiện mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân. Cơ chế thông tin hai chiều giữa Nhà nước và công dân sẽ giúp cho việc quản lý nhà nước có hiệu lực và hiệu quả hơn, tăng tính trách nhiệm của công dân cũng như của các cơ quan công quyền.

Tác động về kinh tế: Giải pháp này giúp tăng cường công khai thông tin, nâng cao tri thức, có thể đem đến những chuyển biến cơ bản trong việc sản xuất sản phẩm và dịch vụ, giúp cho các doanh nghiệp giảm thiểu chi phí kinh doanh và các rủi ro khi đầu tư, từ đó thu hút đầu tư và tạo công ăn việc làm nhiều hơn, giảm cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp, tăng tỷ số doanh thu của doanh nghiệp, tăng đầu tư có chất lượng cao.

- Tác động tiêu cực:

Các chi phí chủ yếu là chi phí cho việc lưu trữ và cập nhật dữ liệu, thông tin; công khai thông tin rộng rãi; chi phí cho nhân lực thực hiện việc đăng tải, quản lý thông tin, cập nhật thông tin. Các chi phí gián tiếp do việc thực hiện quy định có thể là cơ quan nhà nước phải giải quyết các yêu cầu của công dân nhiều hơn về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ nên phát sinh thêm các chi phí hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không có tác động về thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới:* Giải pháp này không có tác động về giới.

Giải pháp 5 : Như giải pháp 4 và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc công khai thông tin.

- Tác động tích cực

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật sẽ giúp cho việc công khai và cung cấp thông tin thuận lợi, tiết kiệm chi phí và thời gian cho cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước cũng như người dân; giúp cho việc công khai thông tin được nhanh, kịp thời, chính xác và nhiều nhất có thể.

Giải pháp này còn có tác động tích cực tới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước; việc phản hồi ý kiến của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước nhanh, kịp thời cũng nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước và chính quyền cấp xã (vì chính quyền cấp xã không chỉ cung cấp thông tin do mình tạo ra mà còn cung cấp thông tin do mình nhận được từ các cơ quan nhà nước); đẩy nhanh quá trình dân chủ hóa; góp phần xây dựng chính quyền cấp xã năng động, hiệu quả, đem lại lợi ích cho người dân địa phương, qua đó cũng nâng cao hiệu quả quản lý các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tác động tiêu cực

Nhà nước sẽ phải đầu tư và phải chi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và cơ sở vật chất cần thiết khác; chi phí cho các cán bộ kỹ thuật và duy trì các điều kiện vật chất cũng như lập, cập nhật các danh mục thông tin phải công khai.

+ *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

+ *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không có tác động về thủ tục hành chính.

+ *Tác động về giới:* Giải pháp này không có tác động về giới.

Giải pháp 6: Kết hợp giải pháp 5 với việc phân định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy thi hành Luật.

- Tác động tích cực:

Ngoài các tác động tích cực như giải pháp 5, giải pháp 6 góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước nói chung, phát huy vai trò của từng cơ quan, tổ chức,

từ đó nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về dân chủ. Giải pháp này còn làm giảm các chi phí nhờ việc phân định rành mạch, sẽ tránh tình trạng một nhiệm vụ có nhiều cơ quan thực hiện (chồng chéo) và tốn chi phí không cần thiết cho việc triển khai nhiệm vụ.

- Tác động tiêu cực:

Các chi phí tương tự như giải pháp 5, nếu có phát sinh thêm cũng không đáng kể.

+ *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

+ *Tác động về thủ tục hành chính :* Giải pháp này không có tác động về thủ tục hành chính.

+ *Tác động về giới:* Giải pháp này không có tác động về thủ tục hành chính, tác động về giới.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở phân tích, so sánh các giải pháp cho thấy việc điều chỉnh quy định theo giải pháp 6 sẽ là phương án tối ưu.

5. Chính sách 5: Phân định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở

a) Xác định vấn đề bất cập:

Hiện nay, còn chưa có quy định rõ ràng về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở. Việc phối hợp giữa các Bộ, ngành trung ương chưa thường xuyên, chặt chẽ, nhất là trong xây dựng chính sách, trong việc chia sẻ thông tin và trong kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, pháp luật về dân chủ. Việc tổ chức thực hiện Pháp lệnh số 34 chủ yếu giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong việc thực hiện dân chủ ở cấp xã, người dân không biết mình cần đến cơ quan nào và hỏi ai. Cán bộ, công chức cấp xã không thấy rằng họ có nghĩa vụ hay trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin hoặc hướng dẫn, giải thích cho người dân khi họ có yêu cầu. Những bất cập nêu trên có nguyên nhân chính là việc phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực dân chủ còn chưa hợp lý, cần phải được điều chỉnh.

Do đó, cần phân công rõ nhiệm vụ giữa các cơ quan trung ương về vấn đề bảo đảm dân chủ ở cơ sở; có cơ quan chịu trách nhiệm chính quản lý nhà nước về

vấn đề này, nhất là chịu trách nhiệm hướng dẫn pháp luật, thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Phân công rành mạch trách nhiệm của các cơ quan nhà nước; trách nhiệm của tập thể và cá nhân, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

- Bảo đảm các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở được thi hành trên thực tiễn; bảo đảm tính khả thi của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, khắc phục dân chủ hình thức.

c) Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm của các chủ thể trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở.

Giải pháp 2: Quy định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã được giao nhiệm vụ về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Giải pháp 3: Quy định trách nhiệm của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Giải pháp 4: Kết hợp giải pháp 2 và 3, đồng thời quy định trách nhiệm của Bộ Nội vụ giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp:

Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm của các chủ thể trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở. Việc thực hiện giải pháp này không đem lại các tác động tích cực cho xã hội, nhân dân và Nhà nước, vẫn tiếp tục tồn tại các vấn đề bất cập như đã phân tích ở trên.

Giải pháp 2: Quy định rõ trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã được giao nhiệm vụ về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Tác động tích cực:

Tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, người dân không chỉ có địa chỉ rõ ràng để yêu cầu được hướng dẫn, giải thích mà còn có thể được giải quyết nhanh chóng và thuận lợi nhất các vấn đề của mình. Từ đó, các quyền và lợi ích của người dân do chính quyền cấp xã giải quyết sẽ được bảo đảm hơn.

- Tác động tiêu cực:

Giải pháp này đòi hỏi Nhà nước phải đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở; đồng thời cần đầu tư để công chức cấp xã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, trách nhiệm mà Luật giao.

+ *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

+ *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không có tác động về thủ tục hành chính.

+ *Tác động về giới:* Giải pháp này không có tác động về giới.

Giải pháp 3: Quy định trách nhiệm của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Tác động tích cực:

+ Tác động tích cực việc thực hiện dân chủ ở cơ sở của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ làm rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện nghiêm dân chủ ở cơ sở; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện pháp luật về dân chủ.

+ Góp phần bảo đảm các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở được thi hành trên thực tiễn; bảo đảm tính khả thi của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, khắc phục dân chủ hình thức; tránh đùn đẩy trách nhiệm hoặc bỏ ngỏ nhiệm vụ.

+ Tránh đùn đẩy trách nhiệm hoặc bỏ ngỏ nhiệm vụ trong việc thực hiện dân chủ trên thực tiễn; bảo đảm tính công khai, minh bạch.

+ Tăng cường trách nhiệm hoặc bỏ ngỏ nhiệm vụ việc thi hành trên thực tiễn; bảo đảm việc thực hiện dân chủ trong cơ quan, đơn vị.

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực rõ rệt; các chi phí cũng không đáng kể, chủ yếu là các chi phí cho việc bồi dưỡng năng lực cho cán bộ, công chức trung ương, địa phương trực tiếp thực hiện nhiệm vụ liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở.

+ *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

+ *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không có tác động về thủ tục hành chính.

+ *Tác động về giới:* Giải pháp này không có tác động về giới.

Giải pháp 4: Kết hợp giải pháp 2 và 3, đồng thời quy định trách nhiệm của Bộ Nội vụ giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật.

Tác động tích cực: Ngoài những tác động tích cực giống như giải pháp 2 và 3, việc giao cho một bộ theo dõi chung việc thực thi Luật sẽ góp phần thúc đẩy việc thi hành Luật hiệu quả hơn (ví dụ: trong việc ban hành văn bản hướng dẫn Luật, giải thích các quy định, tập huấn, tuyên truyền, đề xuất chính sách, giải pháp thực thi Luật). Giải pháp này cũng có những tác động tích cực gián tiếp lên hệ thống pháp luật, dân chủ hóa đời sống xã hội, tăng niềm tin của người dân vào bộ máy nhà nước và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nói chung.

Tác động tiêu cực:

Đối với khu vực nhà nước: Việc có cơ quan đầu mối phụ trách theo dõi việc tiếp cận thông tin sẽ giúp Chính phủ một cách đặc lực khi cần báo cáo việc thực thi Luật trước cơ quan có thẩm quyền (Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội), hiệu quả quản lý nhà nước sẽ tăng lên. Việc có một cơ quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở cũng làm tăng khả năng thực thi Luật từ phía cơ quan nhà nước.

- **Đối với người dân:** Nhờ có sự theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyền dân chủ sẽ nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước.

+ Vì bộ của Chính phủ vẫn là một thiết chế nằm trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, nên không có sự độc lập cần thiết, và vì vậy hiệu quả theo dõi, kiểm tra sẽ hạn chế hơn nhiều. Bên cạnh đó, nếu theo phương án này cũng sẽ khó để triển khai hoạt động theo dõi, kiểm tra về phía các chủ thể nằm ngoài hệ thống hành chính (như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Quốc hội...).

Vì chỉ là một cơ quan của Chính phủ, nên hoạt động theo dõi, đôn đốc của cơ quan này sẽ chỉ hữu hiệu đối với các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước, đối với các chủ thể khác như các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan tư pháp..., hoạt động theo dõi, đôn đốc của cơ quan này có thể sẽ bị hạn chế.

+ **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không phải sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

+ **Tác động về thủ tục hành chính:** Giải pháp này không có tác động về thủ tục hành chính.

+ **Tác động về giới:** Giải pháp này không có tác động về thủ tục hành chính, tác động về giới.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trên cơ sở phân tích, so sánh các giải pháp cho thấy việc điều chỉnh quy định theo giải pháp 4 sẽ là phương án tối ưu.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH CHÍNH SÁCH SAU KHI LUẬT THÔNG QUA

1. Về bảo đảm nguồn nhân lực

Về cơ bản, các quy định của Luật không làm phát sinh thêm đáng kể nhân lực để thực hiện các chính sách của Luật, nếu tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đăng tải công khai các thông tin của chính quyền trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử. Tuy nhiên, để bảo đảm thi hành tốt các chính sách của Luật thì cần tăng cường bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã, có thể sử dụng nhân sự là cán bộ đầu mối cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước, trong đó có Ủy ban nhân dân cấp xã (thực hiện theo quy định của Luật tiếp cận thông tin) sẽ tiết kiệm chi phí và bảo đảm hơn về nhân lực thực thi Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Về bảo đảm nguồn tài chính

Kinh phí tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Luật, ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở mẫu do ngân sách Trung ương bảo đảm được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ Nội vụ.

Kinh phí tổ chức triển khai thi hành Luật tại chính quyền cấp xã do ngân sách địa phương bảo đảm được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Ủy ban nhân dân cấp xã.

IV. LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã gửi dự thảo Báo cáo đánh giá tác động và hồ sơ đề nghị xây dựng Luật để xin ý kiến tham gia của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các ý kiến tham gia về cơ bản đều nhất trí về sự cần thiết xây dựng, ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở cũng như các chính sách của Luật. Các ý kiến đóng góp cũng đã được cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật bảo đảm theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định trình Quốc hội.

KẾT LUẬN

Kết quả của Báo cáo đánh giá tác động về dự thảo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở được phân tích và trình bày theo từng vấn đề. Mỗi chính sách có các giải pháp khác nhau. Tuy vậy không có nghĩa là 5 vấn đề chính sách được phân tích là những vấn đề rời rạc mà chúng có quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung hỗ trợ cho nhau. Mỗi giải pháp được lựa chọn cho từng vấn đề có tác dụng hỗ trợ, gia tăng lợi ích của các giải pháp được lựa chọn khác. Phân tích, cho thấy, có 05 nhóm giải pháp có tác dụng hỗ trợ tích cực, tạo chuyển biến trong thực hiện dân chủ hóa ở cơ sở. Trên cơ sở nghiên cứu thu thập, kết hợp với phương pháp phân tích rõ ràng để dự báo tác động (tích cực và tiêu cực) sau khi Luật được ban hành, có thể khẳng định, việc ban hành Luật sẽ đem lại lợi ích đáng kể cho xã hội, đặc biệt là người dân và doanh nghiệp góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Với các chính sách và các giải pháp chính sách dự kiến trong Báo cáo đánh giá tác động và việc lựa chọn theo giải pháp kiến nghị sẽ tạo cơ sở pháp lý mới đủ mạnh, thống nhất, đồng bộ, toàn diện hơn nhằm thực hiện dân chủ ở cơ sở nói riêng, tạo nền móng cho việc thúc đẩy dân chủ trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước, đáp ứng yêu cầu và chủ trương, đường lối của Đảng về “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về dân chủ ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTg Thường trực Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Vụ PL, QHĐP);
- Bộ Tư pháp (Vụ PLHS-HC);
- Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân;
- Thứ trưởng Triệu Văn Cường;
- Lưu: VT, Vụ TH (05b). Hiền.

BỘ TRƯỞNG

Lê Vĩnh Tân